

UBND PHƯỜNG HỒNG QUANG
TRƯỜNG MẦM NON HỒNG QUANG

Khu Trung Tâm

Ngày 09 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo bắc thơm Trứng cút kho thịt lợn, hành lá Canh bí ngô thịt bò, mùi tàu Cải thảo xào	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Nuvi Grow School Bánh đa nấu thịt gà, rau cải, hành lá	Bánh đa nấu thịt gà, rau cải, hành lá

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	196	22,000	4,312,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ	62	22,000	1,364,000	
	TỔNG	258		5,676,000	

III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

STT	Tên thực phẩm	Mẫu giáo			Cơm nhà trẻ			Tổng cộng	
		SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Tiền (đ)
1	Gạo bắc thơm	17.60	17,000	299,200	4.00	17,000	68,000	21.60	367,200
2	Dầu ăn	1.25	77,000	96,250	0.45	77,000	34,650	1.70	130,900
3	Nước mắm	0.30	76,000	22,800	0.10	76,000	7,600	0.40	30,400
4	Hạt nêm	0.30	70,000	21,000	0.10	70,000	7,000	0.40	28,000
5	Hành	0.20	35,000	7,000	0.10	35,000	3,500	0.30	10,500
6	Mỡ lợn	0.70	85,000	59,500	0.25	85,000	21,250	0.95	80,750
7	Trứng cút	392	800	313,600	124	800	99,200	516	412,800
8	Thịt lợn	10.25	150,000	1,537,500	3.25	150,000	487,500	13.50	2,025,000
9	Mùi tàu	0.07	50,000	3,500	0.03	50,000	1,500	0.10	5,000
10	Bí ngô đỏ	6.30	20,000	126,000	2.00	20,000	40,000	8.30	166,000
11	Thịt bê bỏ bì	1.05	285,000	299,250	0.35	285,000	99,750	1.40	399,000
12	Cải thảo	5.90	20,000	118,000	1.90	20,000	38,000	7.80	156,000
13	Hành lá	0.20	40,000	8,000	0.05	40,000	2,000	0.25	10,000
14	Bánh đa	3.10	38,000	117,800	1.25	38,000	47,500	4.35	165,300
15	Thịt gà	1.65	90,000	148,500	0.55	90,000	49,500	2.20	198,000
16	Rau cải chíp	1.00	17,000	17,000	0.30	17,000	5,100	1.30	22,100
17	Sữa bột Nuvi Grow	4.30	260,000	1,118,000	1.35	260,000	351,000	5.65	1,469,000
	Tổng cộng			4,312,900			1,363,050		5,675,950

IV. PHÂN QUYẾT AN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 5,676,000
- Số tiền đã chi: 5,675,950
- Số tiền còn thừa: 50
- Số tiền còn thiếu:

UBND PHƯỜNG HỒNG QUANG
TRƯỜNG MẦM NON HỒNG QUANG

Khu Phú Lâm

Ngày 09 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo bắc thơm Trứng cút kho thịt lợn, hành lá Canh bí ngô thịt bò, mùi tàu Cải thảo xào	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Nuvi Grow School Bánh đa nấu thịt gà, rau cải, hành lá	Bánh đa nấu thịt gà, rau cải, hành lá

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	88	22,000	1,936,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ	30	22,000	660,000	
	TỔNG	118		2,596,000	

III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

STT	Tên thực phẩm	Mẫu giáo			Cơm nhà trẻ			Tổng cộng	
		SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Tiền (đ)
1	Gạo bắc thơm	7.90	17,000	134,300	2.00	17,000	34,000	9.90	168,300
2	Dầu ăn	0.60	77,000	46,200	0.20	77,000	15,400	0.80	61,600
3	Nước mắm	0.10	76,000	7,600	0.05	76,000	3,800	0.15	11,400
4	Hạt nêm	0.15	70,000	10,500	0.05	70,000	3,500	0.20	14,000
5	Hành	0.08	35,000	2,800	0.02	35,000	700	0.10	3,500
6	Mỡ lợn	0.30	85,000	25,500	0.10	85,000	8,500	0.40	34,000
7	Trứng cút	176	800	140,800	60	800	48,000	236	188,800
8	Thịt lợn	4.55	150,000	682,500	1.60	150,000	240,000	6.15	922,500
9	Mùi tàu	0.04	50,000	2,000	0.01	50,000	500	0.05	2,500
10	Bí ngô đỏ	2.80	20,000	56,000	0.90	20,000	18,000	3.70	74,000
11	Thịt bê bỏ bì	0.52	285,000	148,200	0.18	285,000	51,300	0.70	199,500
12	Cải thảo	2.80	20,000	56,000	0.90	20,000	18,000	3.70	74,000
13	Hành lá	0.08	40,000	3,200	0.02	40,000	800	0.10	4,000
14	Bánh đa	1.40	38,000	53,200	0.60	38,000	22,800	2.00	76,000
15	Thịt gà	0.70	90,000	63,000	0.30	90,000	27,000	1.00	90,000
16	Rau cải chíp	0.40	17,000	6,800	0.10	17,000	1,700	0.50	8,500
17	Sữa bột Nuvi Grow	1.90	260,000	494,000	0.65	260,000	169,000	2.55	663,000
	Tổng cộng			1,932,600			663,000		2,595,600

IV. PHÂN QUYẾT AN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 2,596,000
- Số tiền đã chi: 2,595,600
- Số tiền còn thừa: 400
- Số tiền còn thiếu:

UBND PHƯỜNG HỒNG QUANG
TRƯỜNG MẦM NON HỒNG QUANG

Khu Hậu Phú

Ngày 09 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo bắc thơm Trứng cút kho thịt lợn, hành lá Canh bí ngô thịt bò, mùi tàu Cải thảo xào	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Nuvi Grow School Bánh đa nấu thịt gà, rau cải, hành lá	Bánh đa nấu thịt gà, rau cải, hành lá

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	40	22,000	880,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ		22,000	0	
	TỔNG	40		880,000	

III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

STT	Tên thực phẩm	Mẫu giáo			Cơm nhà trẻ			Tổng cộng	
		SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Tiền (đ)
1	Gạo bắc thơm	3.60	17,000	61,200				3.60	61,200
2	Dầu ăn	0.25	77,000	19,250				0.25	19,250
3	Nước mắm	0.05	76,000	3,800				0.05	3,800
4	Hạt nêm	0.05	70,000	3,500				0.05	3,500
5	Hành	0.05	35,000	1,750				0.05	1,750
6	Mỡ lợn	0.15	85,000	12,750				0.15	12,750
7	Trứng cút	82	800	65,600				82	65,600
8	Thịt lợn	2.10	150,000	315,000				2.10	315,000
9	Mùi tàu	0.01	50,000	500				0.01	500
10	Bí ngô đỏ	1.30	20,000	26,000				1.30	26,000
11	Thịt bê bỏ bì	0.20	285,000	57,000				0.20	57,000
12	Cải thảo	1.20	20,000	24,000				1.20	24,000
13	Hành lá	0.05	40,000	2,000				0.05	2,000
14	Bánh đa	0.60	38,000	22,800				0.60	22,800
15	Thịt gà	0.30	90,000	27,000				0.30	27,000
16	Rau cải chíp	0.20	17,000	3,400				0.20	3,400
17	Sữa bột Nuvi Grow	0.90	260,000	234,000				0.90	234,000
	Tổng cộng			879,550			0		879,550

IV. PHÂN QUYẾT ÁN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 880,000
- Số tiền đã chi: 879,550
- Số tiền còn thừa: 450
- Số tiền còn thiếu:

TRƯỜNG MẦM NON HỒNG QUANG

Khu Nam Quang

Ngày 09 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo bắc thơm Trứng cút kho thịt lợn, hành lá Canh bí ngô thịt bò, mùi tàu Cải thảo xào	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Nuvi Grow School Bánh đa nấu thịt gà, rau cải, hành lá	Bánh đa nấu thịt gà, rau cải, hành lá

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	155	22,000	3,410,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ	35	22,000	770,000	
	TỔNG	190		4,180,000	

III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

STT	Tên thực phẩm	Mẫu giáo			Cơm nhà trẻ			Tổng cộng	
		SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Tiền (đ)
1	Gạo bắc thơm	13.90	17,000	236,300	2.30	17,000	39,100	16.2	275,400
2	Dầu ăn	1.00	77,000	77,000	0.20	77,000	15,400	1.20	92,400
3	Nước mắm	0.25	76,000	19,000	0.05	76,000	3,800	0.30	22,800
4	Hạt nêm	0.20	70,000	14,000	0.05	70,000	3,500	0.25	17,500
5	Hành	0.15	35,000	5,250	0.05	35,000	1,750	0.20	7,000
6	Mỡ lợn	0.55	85,000	46,750	0.15	85,000	12,750	0.70	59,500
7	Trứng cút	315	800	252,000	71	800	56,800	386	308,800
8	Thịt lợn	8.25	150,000	1,237,500	1.85	150,000	277,500	10.10	1,515,000
9	Mùi tàu	0.04	50,000	2,000	0.01	50,000	500	0.05	2,500
10	Bí ngô đỏ	4.90	20,000	98,000	1.30	20,000	26,000	6.20	124,000
11	Thịt bê bỏ bì	0.75	285,000	213,750	0.15	285,000	42,750	0.90	256,500
12	Cải thảo	5.00	20,000	100,000	1.30	20,000	26,000	6.30	126,000
13	Hành lá	0.16	40,000	6,400	0.04	40,000	1,600	0.20	8,000
14	Bánh đa	2.45	38,000	93,100	0.70	38,000	26,600	3.15	119,700
15	Thịt gà	1.25	90,000	112,500	0.35	90,000	31,500	1.60	144,000
16	Rau cải chíp	0.80	17,000	13,600	0.20	17,000	3,400	1.00	17,000
17	Sữa bột Nuvi Grow	3.40	260,000	884,000	0.77	260,000	200,200	4.17	1,084,200
	Tổng cộng			3,411,150			769,150		4,180,300

IV. PHÂN QUYẾT ÁN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 4,180,000
- Số tiền đã chi: 4,180,300
- Số tiền còn thừa:
- Số tiền còn thiếu: -300